

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về xét tặng danh hiệu
“Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định đối tượng, nguyên tắc, tiêu chuẩn, hội đồng xét tặng, hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” để tặng cho các cá nhân bao gồm:

a) Bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, lương y, lương dược, cán bộ quản lý y tế quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền quy định tại các điểm đ, e, g, h và k khoản 1 Điều 26 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

Điều 3. Các nguyên tắc, yêu cầu trong xét tặng

1. Thực hiện đúng các nguyên tắc khen thưởng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2026, trong việc xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

2. Không sử dụng thành tích đã được xét tặng các danh hiệu vinh dự nhà nước bao gồm “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” để đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

3. Các thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” phải là thành tích đạt được trong thời gian công tác trong ngành y tế. Chỉ được lấy thành tích khen thưởng theo công trạng làm điều kiện, tiêu chuẩn để đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

4. Cá nhân được hưởng lương và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm tại đơn vị nào thì đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” tại đơn vị đó. Trường hợp có kiêm nhiệm nhiệm vụ tại các đơn vị khác hoặc các tổ chức chính trị - xã hội hoặc các hội đặc thù thì phải có nhận xét, đánh giá, bình xét của đơn vị, tổ chức kiêm nhiệm.

5. Không xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” cho cá nhân đã bị hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

6. Chưa xem xét đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” cho cá nhân đang trong thời hiệu thi hành hình thức kỷ luật khiển trách hoặc có liên quan đến các vụ, việc mà cơ quan có thẩm quyền đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc đang có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, xử lý hoặc có liên quan đến tham nhũng, tiêu cực do các cơ quan truyền thông, báo chí phản ánh đang được xác minh, làm rõ.

Điều 4. Cách tính thời gian công tác và thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế

1. Thời gian công tác và thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế để xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” của cá nhân thuộc các trường hợp sau đây được nhân hệ số tương ứng:

a) Thời gian cá nhân công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được nhân hệ số 1,5.

b) Thời gian cá nhân làm chuyên môn kỹ thuật y tế tại các chiến trường B, C, K; chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc và quân tình nguyện Việt Nam tại Lào và Campuchia hoặc tham gia nghĩa vụ quốc tế được nhân hệ số 1,5.

c) Thời gian cá nhân công tác trong các lĩnh vực đặc thù của ngành y tế gồm: phong, lao, tâm thần, giải phẫu bệnh, pháp y, pháp y tâm thần, phòng chống dịch bệnh nguy hiểm, cấp cứu 115, hồi sức cấp cứu và công tác tại cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trường giáo dưỡng được nhân hệ số 1,5.

2. Trường hợp cùng một khoảng thời gian công tác của cá nhân thuộc từ hai trường hợp trở lên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được áp dụng một hệ số; trường hợp các hệ số khác nhau thì áp dụng hệ số cao nhất.

3. Cách tính thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật đối với các cá nhân làm công tác quản lý y tế tại các cơ sở y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất dược phẩm, nghiên cứu y dược (sau đây gọi tắt là cơ sở y tế) vẫn trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế và các cá nhân làm công tác giảng dạy, cá nhân công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước vẫn trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế tại các cơ sở y tế như sau:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ sở y tế thì được nhân hệ số tối đa không quá 0,5 đối với mỗi năm giữ chức vụ quản lý khi tính thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế và phải có văn bản phân công kiêm nhiệm hoặc tham gia công tác chuyên môn;

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tại các phòng, ban, văn phòng của các cơ sở y tế thì được nhân hệ số tối đa không quá 0,5 đối với mỗi năm giữ chức vụ quản lý khi tính thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế và phải có văn bản phân công kiêm nhiệm hoặc tham gia công tác chuyên môn;

c) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, điều dưỡng trưởng khoa và tương đương trở lên tại các khoa, phòng, Trung tâm liên quan trực tiếp công tác chuyên môn thì được nhân hệ số tối đa không quá 0,7 đối với mỗi năm giữ chức vụ quản lý khi tính thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế và có-xác nhận của đơn vị;

d) Cá nhân làm công tác giảng dạy lâm sàng, cận lâm sàng, phòng chống dịch, bệnh trực tiếp công tác chuyên môn tại các cơ sở y tế thì được nhân hệ

số tối đa không quá 0,5 đối với mỗi năm công tác khi tính thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế và phải có xác nhận của cơ sở y tế;

đ) Cá nhân công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước, các cá nhân làm công tác quản lý tham gia các khoá đào tạo gắn với chuyên môn nghiệp vụ y tế theo hình thức tập trung trên 12 tháng được nhân hệ số tối đa không có 0,5 đối với mỗi năm khi tính thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật.

4. Thời gian cá nhân đi học không gắn với bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ y tế hoặc thời gian xin nghỉ không hưởng lương hoặc nghỉ thai sản, nghỉ ốm, nghỉ phép quá thời hạn theo quy định của pháp luật được tính là thời gian công tác trong ngành y tế nhưng không được tính là thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế.

5. Trường hợp cá nhân có sự chuyển đổi vị trí công tác, gián đoạn thời gian trực tiếp làm chuyên môn thì được cộng dồn các khoảng thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật y tế và phải có xác nhận thời gian làm chuyên môn kỹ thuật y tế tại các cơ sở y tế đã công tác.

6. Trường hợp cá nhân làm công tác giảng dạy lâm sàng, cận lâm sàng, phòng chống dịch, bệnh tại các cơ sở thực hành khám bệnh, chữa bệnh thì phải có xác nhận của cơ sở thực hành khám bệnh, chữa bệnh và được đề nghị xét tặng tại đơn vị đang công tác.

Điều 5. Xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” cho cá nhân chuyển đổi đơn vị công tác, đã nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội

1. Trong quá trình xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, nếu cá nhân chuyển đổi vị trí công tác thì xét theo chức danh tại thời điểm cá nhân nộp hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở.

2. Cá nhân đã nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội không quá 03 năm, tính từ thời điểm nghỉ hưu mà không hoạt động chuyên môn kỹ thuật y tế được đề nghị xét tặng tại đơn vị đã công tác trước khi nghỉ hưu.

Điều 6. Thời gian xét tặng, công bố danh hiệu và tổ chức trao tặng

1. Thời gian xét tặng, công bố danh hiệu và tổ chức trao tặng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Các bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là bộ, tỉnh) tổ chức xét tặng cho cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý và tổ chức Lễ trao tặng cho các “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” được Chủ tịch nước quyết định phong tặng.

Điều 7. Quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân được phong tặng

1. Quyền lợi:

- a) Được tặng Huy hiệu và Bằng chứng nhận của Chủ tịch nước;
- b) Được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

- a) Giữ gìn hiện vật được khen thưởng;
- b) Tiếp tục giữ gìn, phát huy phẩm chất, đạo đức, tài năng và là gương sáng cho đồng nghiệp noi theo và nhân dân quý trọng.

Chương II

TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU

“THẦY THUỐC NHÂN DÂN”, “THẦY THUỐC ƯU TÚ”

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”

1. Cá nhân không thuộc đối tượng tại khoản 4 Điều này phải đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng, có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ về y tế, đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở;

b) Là thành viên nghiên cứu chính thực hiện ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng cấp bộ, tỉnh;

c) Là thư ký ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng cấp bộ, tỉnh;

d) Là chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng cấp bộ, tỉnh;

đ) Là thành viên nghiên cứu chính thực hiện ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc;

e) Là chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên, được áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở và là thành viên nghiên cứu chính thực hiện ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên, được áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng cấp bộ, tỉnh;

g) Là tác giả ít nhất 01 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

Không yêu cầu áp dụng tiêu chuẩn về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sáng kiến đối với cá nhân có thời gian công tác liên tục ít nhất 10 năm liền kể trước năm đề nghị xét tặng trong các lĩnh vực: phong, lao, tâm thần, giải phẫu bệnh, pháp y, pháp y tâm thần, phòng chống dịch bệnh nguy hiểm, cấp cứu 115, hồi sức cấp cứu hoặc công tác trong các cơ sở giam giữ.

2. Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này phải có thành tích xuất sắc trong công tác y tế, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng Huân chương Lao động hoặc Huân chương Bảo vệ Tổ quốc từ hạng Ba trở lên;

b) Đã được tặng ít nhất 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

c) Đã được tặng ít nhất 03 Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

d) Đã ít nhất 02 lần được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, tỉnh và ít nhất 01 lần được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh;

đ) Đã ít nhất 06 lần được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và 02 lần được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên.

3. Cá nhân là công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý trên 36 tháng tính từ khi được bổ nhiệm đến thời điểm nộp hồ sơ, ngoài các tiêu chuẩn nêu trên nếu tham gia xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” thì tập thể do cá nhân quản lý phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng” ít nhất 02 lần trong 03 năm liền kể năm đề nghị xét tặng hoặc được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ít nhất 02 năm trong 03 năm liền kể năm đề nghị xét tặng;

b) Đã được tặng Cờ thi đua hoặc hình thức khen thưởng từ cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên trong 03 năm liền kể năm đề nghị xét tặng.

4. Cá nhân đang công tác tại địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có thời gian công tác liên tục tại các địa bàn này từ đủ 05 năm trở lên tính đến thời điểm đề nghị xét tặng, ngoài đạt các tiêu chí quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng, phải đạt các tiêu chuẩn sau: có ít nhất 05 năm liền kề với năm đề nghị xét tặng được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có từ 03 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên ít nhất 01 lần; không yêu cầu áp dụng khoản 1 Điều này.

Điều 9. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”

Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đã được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, sau đó đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ về y tế, đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng cấp bộ, tỉnh;

b) Là thành viên nghiên cứu chính thực hiện 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc;

c) Là tác giả ít nhất 02 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi được bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận;

d) Là tác giả hoặc đồng tác giả ít nhất 01 sáng chế ứng dụng trong lĩnh vực y tế được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học Công nghệ cấp chứng nhận độc quyền sáng chế.

3. Có thành tích xuất sắc trong công tác y tế góp phần cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động” hoặc “Anh hùng lực lượng vũ trang”;

b) Đã được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

c) Đã được tặng Huân chương Lao động hoặc Huân chương Bảo vệ Tổ quốc từ hạng Ba trở lên;

d) Đã được tặng 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và ít nhất 02 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh.

4. Cá nhân là công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý trên 36 tháng tính từ khi được bổ nhiệm đến thời điểm nộp hồ sơ, ngoài các tiêu chuẩn nêu trên nếu tham gia xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” thì tập thể do cá nhân quản lý phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng” ít nhất 02 lần trong 03 năm liền kề năm đề nghị xét tặng hoặc được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ít nhất 02 năm trong 03 năm liền kề năm đề nghị xét tặng;

b) Đã được tặng Cờ thi đua, hình thức khen thưởng từ cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên trong 03 năm liền kề năm đề nghị xét tặng.

Chương III **HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU** **“THẦY THUỐC NHÂN DÂN”, “THẦY THUỐC ƯU TÚ”**

Điều 10. Nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc, thành phần của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu được thành lập theo 03 cấp:

- a) Hội đồng cấp cơ sở;
- b) Hội đồng cấp bộ, tỉnh;
- c) Hội đồng cấp Nhà nước.

2. Hội đồng do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập có từ 09 đến 19 thành viên.

3. Hội đồng xét tặng có nhiệm vụ sau:

- a) Tổ chức việc xét tặng theo đúng quy định của pháp luật;
- b) Công bố kết quả xét chọn trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ xét tặng trình Hội đồng có thẩm quyền;
- d) Xem xét, giải quyết các kiến nghị liên quan đến việc xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

4. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” làm việc theo nguyên tắc:

a) Dân chủ, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Kết quả họp Hội đồng xét tặng được niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định thành lập hội đồng;

b) Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 90% số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. Trường hợp vắng mặt, thành viên Hội đồng phải được Chủ tịch Hội đồng đồng ý và phải gửi lại phiếu bầu. Tổ Thư ký có trách nhiệm lấy ý kiến thành viên Hội đồng vắng mặt bằng phiếu bầu theo Mẫu số 10, Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Hội đồng cấp Nhà nước chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng cấp bộ, tỉnh trình; Hội đồng cấp bộ, tỉnh chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng cấp cơ sở trình theo quy định tại Nghị định này; không xét các hồ sơ không đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Hội đồng cấp cơ sở chỉ trình Hội đồng cấp bộ, tỉnh; Hội đồng cấp bộ, tỉnh chỉ trình Hội đồng cấp Nhà nước; Hội đồng cấp Nhà nước chỉ trình Thủ tướng Chính phủ danh sách cá nhân đạt ít nhất 90% số phiếu thành viên đồng ý trên tổng số thành viên Hội đồng;

đ) Cá nhân đang là đối tượng xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” không tham gia các cấp Hội đồng.

5. Thành phần của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên Hội đồng là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và một số “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, số lượng thành viên cụ thể của Hội đồng do Thủ trưởng đơn vị quyết định.

6. Hội đồng xét tặng các cấp sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị do Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan, đơn vị đó. Hội đồng xét tặng cấp tỉnh được sử dụng con dấu của Sở Y tế khi có ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng cấp Nhà nước được sử dụng con dấu của Bộ Y tế.

7. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” ở mỗi cấp có Tổ thư ký, do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập. Tổ Thư ký có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát, tóm tắt hồ sơ; gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên Hội đồng, tổ chức cuộc họp của Hội đồng. Tổ Thư ký chịu trách nhiệm trước Hội đồng về tính hợp lệ của hồ sơ; tổng

hợp kết quả xét tặng của Hội đồng; hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

8. Hội đồng cấp dưới có trách nhiệm giải quyết đơn, thư (nếu có) đối với các cá nhân được đề nghị xét tặng; thông báo cho cá nhân và đơn vị cá nhân công tác; báo cáo Hội đồng cấp trên kết quả giải quyết đơn, thư (nếu có).

9. Đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức là thường trực Hội đồng xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”. Đối với Hội đồng cấp Nhà nước, Bộ Y tế là thường trực Hội đồng.

10. Hội đồng cấp cơ sở có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của hồ sơ cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 11. Hội đồng cấp cơ sở

Hội đồng cấp cơ sở được thành lập tại cơ sở y tế, cơ quan, đơn vị (sau đây gọi chung là đơn vị) có cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, gồm:

1. Hội đồng cấp cơ sở ở xã, phường, đặc khu.

a) Số lượng thành viên Hội đồng: Từ 05 đến 07 thành viên;

b) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có chức năng quản lý nhà nước về y tế; Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu cơ sở y tế cấp xã; công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực y tế; công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực thi đua khen thưởng và đại diện một số “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” (nếu có);

c) Đối tượng xét tặng là các cá nhân đã và đang công tác tại các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu.

2. Hội đồng cấp cơ sở tại các đơn vị y tế trực thuộc bộ, ban, ngành; các đơn vị trực thuộc Sở Y tế; bệnh viện tư nhân; các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm.

a) Số lượng thành viên Hội đồng: Từ 09 đến 11 thành viên;

b) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng đơn vị; Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo đơn vị và Chủ tịch công đoàn đơn vị; ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo một số khoa, phòng, ban, phân xưởng, bộ phận trực thuộc, đại diện một số “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” (nếu có);

c) Đối tượng xét tặng là các cá nhân đã, đang công tác tại các đơn vị y tế trực thuộc bộ, ngành; các đơn vị trực thuộc Sở Y tế; bệnh viện tư nhân, doanh nghiệp sản xuất dược phẩm.

3. Hội đồng cấp cơ sở tại Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Số lượng thành viên Hội đồng: Từ 09 đến 11 thành viên;

b) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Y tế; Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc Sở Y tế; Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo một số phòng, ban, đơn vị liên quan và đại diện một số “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” (nếu có);

c) Đối tượng xét tặng là các cá nhân đã, đang công tác tại cơ quan Sở Y tế và các đơn vị y tế thuộc địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không đủ điều kiện thành lập Hội đồng cấp cơ sở.

4. Hội đồng cấp cơ sở tại cơ quan Bộ Y tế

a) Số lượng thành viên Hội đồng: Từ 09 đến 11 thành viên;

b) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Bộ Y tế; Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Văn phòng Bộ; Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Khoa học, Công nghệ và Đào tạo; đại diện lãnh đạo một số Vụ, Cục thuộc Bộ và một số “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” (nếu có);

c) Đối tượng xét tặng là các cá nhân đã, đang công tác tại cơ quan Bộ Y tế và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, các cơ quan trung ương không đủ điều kiện thành lập Hội đồng.

5. Trường hợp Hội đồng không đủ số lượng thành viên theo quy định hoặc người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đều là ứng viên đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” thì báo cáo đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp để cho ý kiến hoặc cử bổ sung thành viên tham gia Hội đồng.

Điều 12. Hội đồng cấp bộ, tỉnh

1. Hội đồng cấp Bộ Y tế, thành phần Hội đồng gồm:

a) Số lượng thành viên Hội đồng: Từ 11 đến 15 thành viên;

b) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Y tế;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng Bộ Y tế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

d) Các ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Khoa học, Công nghệ và Đào tạo, đại diện lãnh đạo một số Vụ, Cục và một số “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

2. Hội đồng cấp bộ của các bộ, ban, ngành (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp bộ, ngành), thành phần Hội đồng gồm:

a) Số lượng thành viên Hội đồng: Từ 11 đến 15 thành viên;

b) Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo bộ, ngành;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng: là đại diện lãnh đạo cơ quan tham mưu công tác thi đua, khen thưởng ;

d) Các ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo đơn vị thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bộ, ngành; đại diện lãnh đạo một số Vụ, Cục chức năng, phòng, ban, cơ sở y tế, một số “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

3. Hội đồng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thành phần Hội đồng gồm:

a) Số lượng thành viên Hội đồng: Từ 11 đến 15 thành viên;

b) Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Sở Y tế;

d) Các ủy viên Hội đồng là Phó Giám đốc Sở Y tế; đại diện lãnh đạo: Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị phụ trách công tác thi đua - khen thưởng của Sở Y tế, một số đơn vị thuộc/trực thuộc Sở Y tế; đại diện Hội nghề nghiệp về y, dược và một số “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

Điều 13. Hội đồng cấp Nhà nước

1. Số lượng thành viên Hội đồng: Từ 15 đến 19 thành viên.

2. Hội đồng cấp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Y tế;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng Bộ Y tế;

c) Các ủy viên Hội đồng là đại diện Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Hội nghề nghiệp về y, dược; lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Y tế, gồm: Vụ Tổ chức cán bộ, Văn

phòng Bộ, các Vụ, Cục có liên quan và một số “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

3. Hội đồng cấp Nhà nước hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

Chương IV

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU “THẦY THUỐC NHÂN DÂN”, “THẦY THUỐC ƯU TÚ”

Điều 14. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” bao gồm:

a) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có liên quan;

c) Bản sao giấy chứng nhận hoặc quyết định của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, bằng độc quyền sáng chế (nếu có);

d) Bản sao biên bản nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có); Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước; Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; văn bản công nhận áp dụng hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến;

đ) Xác nhận thời gian trực tiếp làm chuyên môn kỹ thuật trong ngành y tế. Trường hợp cơ sở y tế bị giải thể, sáp nhập thì cấp trên trực tiếp của đơn vị đó xác nhận thời gian làm chuyên môn kỹ thuật y tế.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” bao gồm:

a) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Quyết định và Bằng chứng nhận phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”;

c) Các tài liệu quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này.

3. Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” gửi 01 bộ hồ sơ bản giấy (bản chính) theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; đồng thời gửi các tệp tin điện tử định dạng pdf của toàn bộ hồ sơ đến cơ quan, đơn vị đang công tác hoặc cơ quan, đơn vị đã công tác trước khi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

4. Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, sự chính xác các thông tin đã kê khai trong hồ sơ. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, cá nhân có trách nhiệm cung cấp các bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu.

5. Trường hợp hồ sơ cá nhân không hợp lệ, cần bổ sung, chỉnh sửa: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 07 ngày làm việc tính từ khi nhận lại hồ sơ, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn thiện đến cơ quan tiếp nhận.

6. Hội đồng cấp dưới gửi 01 bộ hồ sơ đến Hội đồng cấp trên bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Biên bản giới thiệu và kết quả lấy ý kiến theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Danh sách trích ngang thành tích cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Danh sách trích ngang thành tích cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

g) Báo cáo về quy trình xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

h) Quyết định thành lập Hội đồng;

i) Hồ sơ thầy thuốc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

7. Hội đồng cấp Nhà nước gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Nội vụ thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét để trình Chủ tịch nước quyết định bao gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước kèm theo danh sách đề nghị xét tặng;

b) Tóm tắt thành tích cá nhân có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng cấp Nhà nước.

Điều 15. Thời hạn gửi, tiếp nhận và hoàn thiện hồ sơ

1. Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu gửi hồ sơ về Hội đồng cấp cơ sở chậm nhất là ngày 01 tháng 7 của năm xét tặng.

2. Hội đồng cấp cơ sở gửi hồ sơ về Hội đồng cấp bộ, tỉnh chậm nhất là ngày 15 tháng 8 của năm xét tặng.

3. Hội đồng cấp bộ, tỉnh gửi hồ sơ về Hội đồng cấp Nhà nước chậm nhất là ngày 15 tháng 10 của năm xét tặng.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng bản giấy (bản chính) được nộp trực tuyến (qua phần mềm “Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành”) và trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Thường trực Hội đồng quy định tại Điều 15 Nghị định này.

5. Thường trực Hội đồng các cấp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định tại Điều 14 Nghị định này, trong thời hạn 10 ngày Thường trực Hội đồng tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho cá nhân, Hội đồng cấp dưới để bổ sung hồ sơ. Sau khi nhận được thông báo, trong thời hạn 10 ngày, cá nhân, Hội đồng cấp dưới phải hoàn thành việc bổ sung hồ sơ.

Điều 16. Trình tự xét tặng tại Hội đồng cấp cơ sở

1. Cá nhân đề nghị xét tặng lập hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác lập hồ sơ xét tặng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định này và gửi trực tiếp hồ sơ xét tặng bản giấy (bản chính), đồng thời gửi đính kèm các tệp tin điện tử bằng hình thức trực tuyến hoặc qua đường bưu chính tới Hội đồng cấp cơ sở (qua Thường trực Hội đồng).

2. Thường trực Hội đồng cấp cơ sở thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng cấp cơ sở xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” và Tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng;

b) Thẩm định về tính hợp lệ của các tài liệu có trong hồ sơ; tiếp nhận, tổng hợp phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức (nếu có) báo cáo người có thẩm quyền xử lý;

c) Lập danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng kèm theo bản trích ngang thành tích của từng cá nhân;

d) Trình Chủ tịch Hội đồng cấp cơ sở quyết định việc tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để lấy phiếu xác định mức độ tin cậy, kính trọng của người bệnh, đồng nghiệp đối với cá nhân đề nghị xét tặng. Hội nghị chỉ được coi là hợp lệ khi có ít nhất 3/4 tổng số người được triệu tập có trình độ trung cấp trở lên tham dự Hội nghị, trong đó có ít nhất 2/3 số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trình độ trung cấp y, được trở lên của đơn vị được triệu tập dự Hội nghị.

Đối với đơn vị có số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động từ 500 người trở lên: việc tổ chức giới thiệu và lấy phiếu do Chủ tịch Hội đồng cấp cơ sở quyết định và hướng dẫn. Kết quả của việc lấy ý kiến phải được lập thành biên bản. Cá nhân đề nghị xét tặng phải đạt ít nhất 80% số người đồng ý trên tổng số người tham gia lấy ý kiến thì được đề nghị xem xét, lấy phiếu bầu tại Hội đồng cấp cơ sở;

đ) Tổng hợp, gửi tài liệu quy định tại điểm c khoản này đến các thành viên của Hội đồng và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng.

3. Hội đồng cấp cơ sở thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Hội đồng tiến hành họp và bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”. Các cá nhân đạt ít nhất 90% số phiếu đồng ý trên tổng số thành viên của Hội đồng theo quyết định thành lập thì được đưa vào danh sách trình Hội đồng cấp trên xem xét;

b) Thông báo bằng hình thức niêm yết công khai danh sách kết quả xét chọn của Hội đồng tại trụ sở làm việc của đơn vị và đưa lên trang thông tin điện tử của cơ quan trong thời hạn 10 ngày;

c) Trường hợp có phản ánh kiến nghị thì Hội đồng có trách nhiệm xem xét, báo cáo người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Sau khi hết thời hạn thông báo tại điểm b khoản này, Hội đồng cấp cơ sở hoàn thiện hồ sơ xét tặng trình Chủ tịch Hội đồng cấp cơ sở ký Tờ trình trình Hội đồng cấp bộ, tỉnh xem xét.

Điều 17. Trình tự xét tặng tại Hội đồng cấp bộ, tỉnh

1. Hội đồng cấp bộ, tỉnh tiếp nhận hồ sơ từ Hội đồng cấp cơ sở.

2. Thường trực Hội đồng cấp bộ, tỉnh tiếp nhận và thẩm định về thành phần và tính hợp lệ của các tài liệu có trong hồ sơ do Hội đồng cấp cơ sở trình; tiếp nhận, xem xét, báo cáo người có thẩm quyền giải quyết phản ánh kiến nghị liên quan đến việc xét tặng danh hiệu (nếu có); gửi tài liệu quy định tại các điểm đ, e, và g khoản 6 Điều 14 Nghị định này đến các thành viên của Hội đồng và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng.

3. Hội đồng cấp bộ, tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Hợp và bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”. Các cá nhân đạt ít nhất 90% số phiếu đồng ý trên tổng số thành viên Hội đồng theo quyết định thành lập thì được đưa vào danh sách trình Hội đồng cấp trên xem xét;

b) Thông báo công khai kết quả xét chọn trên các phương tiện thông tin của bộ, tỉnh trong thời hạn 10 ngày;

c) Trường hợp có phản ánh kiến nghị thì Hội đồng có trách nhiệm xem xét, báo cáo người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Sau khi hết thời hạn thông báo tại điểm b khoản này, Hội đồng cấp cơ sở hoàn thiện hồ sơ xét tặng trình Chủ tịch Hội đồng cấp bộ, tỉnh ký Tờ trình trình Hội đồng cấp Nhà nước xem xét.

4. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy và Ban Cán sự đảng các bộ, ngành, xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi trình Hội đồng cấp Nhà nước đối với các cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” thuộc thẩm quyền quản lý và các cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”.

Điều 18. Trình tự xét tặng ở Hội đồng cấp Nhà nước

1. Hội đồng cấp Nhà nước tiếp nhận hồ sơ từ Hội đồng cấp bộ, tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng cấp Nhà nước tiếp nhận và thẩm định về thành phần và tính hợp lệ của các tài liệu có trong hồ sơ do Hội đồng cấp bộ, tỉnh trình; tiếp nhận, xem xét, báo cáo người có thẩm quyền giải quyết phản ánh kiến nghị liên quan đến việc xét tặng danh hiệu (nếu có); gửi tài liệu quy định tại các điểm đ, điểm e, điểm g khoản 6 Điều 14 Nghị định này đến các thành viên của Hội đồng và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng.

3. Hội đồng cấp Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Hợp và bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”. Các cá nhân đạt ít nhất 90% số phiếu đồng ý trên tổng số thành viên Hội đồng theo quyết định thành lập thì được đưa vào danh sách trình Thủ tướng Chính phủ xem xét đề trình Chủ tịch nước quyết định;

b) Thông báo công khai kết quả xét chọn trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế, Báo Sức khỏe và Đời sống trong thời gian 10 ngày;

c) Trường hợp có phản ánh kiến nghị thì Hội đồng có trách nhiệm xem xét, báo cáo người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Sau khi hết thời hạn thông báo quy định tại điểm b khoản này, Hội đồng cấp Nhà nước hoàn thiện hồ sơ xét tặng trình Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước. Bộ Y tế gửi Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét đề trình Chủ tịch nước quyết định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương và cơ sở y tế

1. Bộ Y tế

a) Chủ trì việc tổ chức xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;

b) Ban hành kế hoạch, văn bản thông báo triển khai xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” trước mỗi đợt xét tặng;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;

d) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” (nếu có) đối với các cấp hội đồng.

2. Các bộ, ngành, địa phương

a) Người đứng đầu bộ, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện xét tặng theo quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị lên Hội đồng cấp trên;

b) Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” (nếu có) đối với Hội đồng cấp cơ sở, Hội đồng cấp bộ, tỉnh, thuộc thẩm quyền;

c) Người đứng đầu các bộ, ban, ngành bố trí kinh phí cho các hoạt động xét tặng của Hội đồng cấp cơ sở, Hội đồng cấp bộ và các chi phí khác liên quan. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt ngân sách chi cho các hoạt động xét tặng của Hội đồng cấp cơ sở, Hội đồng cấp tỉnh và các chi phí khác liên quan;

d) Bộ Nội vụ phối hợp và bảo đảm tiến độ thời gian trình khen thưởng để kịp tổ chức công bố và trao thưởng vào dịp kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam năm đề nghị xét tặng.

3. Các cơ sở y tế

a) Xây dựng kế hoạch phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến để có được đội ngũ thầy thuốc đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;

b) Các cơ sở y tế có cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” thực hiện xét tặng theo quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị lên Hội đồng cấp trên;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

Cá nhân có đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” đã được thông qua tại các Hội đồng xét tặng của đợt xét lần thứ 15 - năm 2027 và đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa có Quyết định của Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” thì được tiếp tục xét tặng theo quy định

tại Nghị định số 25/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Nghị định số 25/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Thị Thanh Trà